TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 03 - 01 - 2023
V/v ly hôn giữa anh Nhẫn và chị Hường

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 12 năm 2022 và ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Văn N, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Hoàng V, sinh năm 1965; địa chỉ: Số xxx, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; hiện cư trú tại số xx, Trần Hữu T, Khóm x, Phường x, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về nuôi con chung; có mặt.

3. Người kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Ngọc H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lương Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N và chị H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/3/2016. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng từ tháng 8/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay, trong thời gian ly thân không hàn gắn lại tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về nuôi con: Trong thời gian chung sống, anh N và chị H có hai con chung là Lương Huỳnh Khánh B, sinh ngày 26/12/2017 và Lương Huỳnh Khánh A, sinh ngày 16/3/2021. Hiện nay cháu B đang sống chung với anh N, cháu A đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, anh N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh N đồng ý giao cháu A cho chị H nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tại đơn bổ sung về tài sản chung và nợ chung ngày 24/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh N yêu cầu chị H trả lại 10 chỉ vàng 24K, trị giá 52.000.000 đồng; 01 một dây chuyền vàng 03 chỉ 18K, trị giá 10.500.000 đồng; 01 vòng và hột nhẫn trị giá 10.400.000 đồng; 01 nhẫn 18K, trị giá 5.950.000 đồng. Nay anh N rút lại đơn bổ sung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/3/2016. Sau khi chung sống được một khoảng thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được và đã ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay chị H thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh N.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị Ngọc H là ông Dương Hoàng V trình bày:

Về nuôi con: Trong thời gian chung sống chị H và anh N có hai con chung là Lương Huỳnh Khánh B, sinh ngày 26/12/2017 và Lương Huỳnh Khánh A, sinh ngày 16/3/2021, cháu B đang sống với anh N, cháu A đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung Lương Huỳnh Khánh B và Lương Huỳnh Khánh A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ chị H yêu cầu được nuôi hai con chung, chị H có thu nhập ổn định, đang làm công nhân

Công ty TNHH may A (trụ sở thị trấn Tràm C), thời gian làm việc là giờ hành chính nên có nhiều thời gian để chăm sóc con; Cháu B là con gái sống với mẹ sẽ tốt hơn và được gần gũi với em gái là cháu A để gắn kết tình cảm chị em; Anh N công việc không ổn định, không đảm bảo việc chăm sóc tốt cho cháu B.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu anh Nhẫn chia lại ½ giá trị 01 xe mô tô hiệu Winer, màu xanh dương, biển kiểm soát 6XPX-28XXX, do anh N đứng tên, quản lý sử dụng với số tiền 21.500.000 đồng (giá trị chiếc xe là 43.000.000 đồng); chia ½ máy khử khuẩn nước và thức ăn với số tiền 1.250.000 đồng (giá trị của máy là 2.500.000 đồng); yêu cầu chia đôi tiền lương của anh Lương Văn N năm 2019 - 2020 với số tiền 25.612.500 đồng (tiền lương là 51.225.000 đồng). Nay chị H rút lại yêu cầu khởi kiện.

Về tài sản riêng: Yêu cầu anh N trả lại 01 máy giặt hiệu TOSHIBA, trị giá 7.000.000 đồng; trả lại 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA, trị giá 8.500.000 đồng và yêu cầu anh N trả số tiền 19.000.000 đồng. Nay chị H rút lại yêu cầu khởi kiện.

Về nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 31/8/2022, chị H trình bày vợ chồng còn nợ cha mẹ của chị H là ông Trai và bà P số tiền 14.500.000 đồng, chị H yêu cầu chia đôi nợ chung. Do ông T và bà P đã rút lại yêu cầu nên chị H thống nhất không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Ngọc T và Lê Thị Kim P trình bày: Ông T và bà P có cho anh N và chị H mượn tổng số tiền là 67.000.000 đồng, sau đó có trả được 50.000.000 đồng, trả lại máy lọc nước trị giá 2.500.000 đồng nên anh N và chị H còn nợ lại số tiền 14.500.000 đồng, yêu cầu anh N và chị H cùng liên đới trả lại số tiền này. Tại phiên tòa, ông T và bà P xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu anh N và chị H liên đới trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 9, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lương Văn N và chị Huỳnh Thị Ngọc H.

2. Về nuôi con:

2.1 Giao con chung Lương Huỳnh Khánh B, sinh ngày 26/12/2017 cho anh Lương Văn N được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng (hiện Lương Huỳnh Khánh B đang sống với anh Lương Văn N).

2.2 Giao con chung Lương Huỳnh Khánh A, sinh ngày 16/3/2021 cho chị Huỳnh Thị Ngọc H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng (hiện Lương Huỳnh Khánh A đang sống với chị Huỳnh Thị Ngọc H).

2.3 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.4 Về cấp dưỡng nuôi con:

2.4.1 Chị Huỳnh Thị Ngọc H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lương Huỳnh Khánh B, anh Lương Văn N không yêu cầu chị Huỳnh Thị Ngọc H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4.2 Anh Lương Văn N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lương Huỳnh Khánh A, chị Huỳnh Thị Ngọc H không yêu cầu anh Lương Văn N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản:

3.1 Đình chỉ yêu cầu của anh Lương Văn N về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị Ngọc H trả lại 10 (Mười) chỉ vàng 24K, trị giá 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng); 01 (Một) một dây chuyền vàng 03 (Ba) chỉ 18K trị giá 10.500.000đ (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng); 01 (Một) vòng và hột nhẫn trị giá 10.400.000đ (Mười triệu, bốn trăm nghìn đồng); 01 (Một) nhẫn 18K trị giá 5.950.000đ (Năm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

3.2 Đình chỉ yêu cầu của chị Huỳnh Thị Ngọc H về việc yêu cầu anh Lương Văn N chia lại ½ giá trị 01 (Một) xe mô tô hiệu Winer, màu xanh dương, biển kiểm soát: 6XP1-28XXX do anh N đứng tên, quản lý, sử dụng, giá trị: 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng) là 21.500.000đ (Hai mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng); chia ½ (Một) máy khử khuẩn nước và thức ăn giá trị 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) là 1.250.000đ (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng); yêu cầu chia đôi tiền lương của anh Lương Văn N năm 2019 - 2020 số tiền 51.225.000đ (Năm mươi một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là 25.612.500đ (Hai mươi lăm, sáu trăm mười hai hai, năm trăm đồng); yêu cầu anh N trả lại 01 (một) máy giặt hiệu TOSHIBA, trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); trả lại 01 (Một) tủ lạnh hiệu TOSHIBA, trị giá 8.500.000đ (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng) và yêu cầu anh N trả số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

3.3 Đình chỉ yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc T và bà Lê Thị Kim P về việc yêu cầu anh Lương Văn N và chị Huỳnh Thị Ngọc H cùng liên đới trả số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2022, chị Huỳnh Thị Ngọc H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nuôi con. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Huỳnh

Khánh B, sinh ngày 26/12/2017, do hiện tại anh N không có việc làm ổn định, anh N thường xuyên đi đêm bỏ bê con, giao con 100% cho ông bà nội và cô út chăm sóc.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/12/2022:

Anh Lương Văn N không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị H, anh N đồng ý với bản án sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của chị H trình bày là chị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh N và chị H yêu cầu tạm ngừng phiên tòa, anh N có trách nhiệm đưa cháu B đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để Tòa án nghe được ý kiến của cháu B. Anh N và chị H cùng trình bày trường hợp cháu B có nguyện vọng sống chung với chị H thì anh N đồng ý giao con chung Khánh B cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trường hợp cháu B có nguyện vọng sống chung với anh N thì chị H đồng ý giao con chung Khánh B cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng và sẽ rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/01/2023, chị H trình bày việc Tòa án tiếp xúc với cháu B tại Phòng trẻ em của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, chị H và anh N đứng ở phòng kế bên quan sát, có nhìn thấy và có nghe được ý kiến của cháu B về việc có nguyện vọng được sống chung với anh N, nhưng chị H không rút kháng cáo, bởi lẽ cháu B đang sống chung với anh N nên sẽ nói muốn sống chung với anh N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ. Chị H kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Huỳnh Khánh B, sinh ngày 26/12/2017. Xét thấy cháu B do anh N và gia đình anh N chăm sóc chu đáo, phát triển tốt. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để nghe ý kiến cháu B. Tại buổi tiếp xúc, cháu B có nguyện vọng muốn sống chung với anh N, anh N có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B. Anh N và chị H có hai con chung, việc giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là hoàn toàn phù hợp nên kháng cáo của chị H không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 53/2022/HNGĐ-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, đầy đủ thành phần những người tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Huỳnh Khánh B, sinh ngày 26/12/2017 của chị Huỳnh Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Anh Lương Văn N và chị Huỳnh Thị Ngọc H kết hôn với nhau vào tháng 3/2016 và đã ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Anh N yêu cầu được ly hôn chị H, chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N nên Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lương Văn N và chị Huỳnh Thị Ngọc H là có căn cứ.

[3.2] Về nuôi con chung: Anh N và chị H thống nhất có 02 con chung tên là Lương Huỳnh Khánh B, sinh ngày 26/12/2017 và Lương Huỳnh Khánh A, sinh ngày 16/3/2021, hiện anh N đang nuôi dưỡng cháu B, chị H đang nuôi dưỡng cháu A.

Đối với cháu A, anh N và chị H thống nhất giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ.

Đối với cháu B, anh N và chị H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy khi anh N và chị H còn chung sống, vợ chồng cùng hai con là cháu Băng và cháu A sinh sống tại nhà cha mẹ chị H để thuận tiện cho việc đi làm công nhân tại công ty may. Đến tháng 6/2021, anh N và chị H ly thân thì anh N và cháu B đã về nhà cha mẹ ruột của anh N sinh sống đến nay. Tại Biên bản xác minh ngày 31/5/2022 và các Biên bản xác minh cùng ngày 07/6/2022 (bút lục 112, 113, 114, 115) của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, những hộ dân sinh sống gần nhà, hàng xóm với anh N đều ý kiến "Anh N và gia đình anh N rất thương yêu, chăm sóc cháu B, không có việc bạo hành đối với cháu B". Thực tế cháu B đã được đến Trường mầm non để học tập, qua tiếp xúc cháu B rất nhanh nhẹn, hoạt ngôn, rất quý mến cha mẹ anh N và em gái anh N, không có việc cháu B bị ngược đãi như nghi ngờ của chị H. Tại phiên tòa, anh N và chị H trình bày là các đương sự đều có việc làm, có thu nhập tương đối ổn định và đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh N mua bán cá mồi, thu nhập khoảng 400.000 đồng/01 ngày; chị H đang làm công nhân của Công ty TNHH may A, thu nhập 22.000.000 đồng/01 tháng. Tuy nhiên cháu B đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh N nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất, anh N và các thành viên trong gia đình không cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi môi trường sống của cháu B vào thời điểm này sẽ làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ý kiến của cháu B có nguyện vọng được sống chung với anh N. Mặt khác, anh N và chị H có 02 con chung, việc anh N, chị H

mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung sẽ đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của các con chung. Do con chung Khánh A đã giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung Lương Huỳnh Khánh B cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

[3.3] Chị H kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Huỳnh Khánh B, anh N không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị H. Hiện tại cháu B đang được anh N nuôi dưỡng, chăm sóc tốt như đã nhận định trên, do đó kháng cáo của chị H không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc H và giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 53/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 53/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1. Về nuôi con chung:

Giao con chung Lương Huỳnh Khánh B, sinh ngày 26/12/2017 cho anh Lương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Băng đang sống chung với anh Lương Văn N).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0013180 ngày 20/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng GĐKTNV-THA TAT;
- Lưu: VT, HS (M)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Thúy Hằng